

Số: 01/2022/QĐST-KDTM

Ba Đồn, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; khoản 1 Điều 158; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm e Điều 1.4, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại lý số 01/2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hà Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Quảng Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: bà Nguyễn Việt H, Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình; địa chỉ: số 332a Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên H;

Địa chỉ: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: ông Mai Xuân Th - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị Th, địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Mai Xuân Th và bà Hoàng Thị H, địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Nguyễn Văn S và Trần Thị H, địa chỉ: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Công ty TNHH Một thành viên H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/8014087/HĐTD ngày 06/5/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/8014087/HĐTD ngày 06/5/2020 được lập ngày 26/10/2020, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/8014087/HĐTD ngày 06/5/2020 được lập ngày 06/5/2021 bằng các Hợp đồng tín dụng cụ thể, gồm: số 01.01.2020/8014087/HĐTD ngày 14/5/2020, số 01.01.2020/8014087/HĐTD ngày 28/7/2020, số 01.05.2020/8014087/HĐTD ngày 25/8/2020, số 01.06.2020/8014087/HĐTD ngày 28/9/2020, số 01.07.2020/8014087/HĐTD ngày 28/9/2020, tạm tính đến ngày 18/11/2022 là 5.766.494.153 đồng, trong đó có 5.391.500.000 đồng nợ gốc, 257.647.975 đồng nợ lãi và 117.346.178 đồng phí trả chậm.

2.2. Cam kết trả nợ: Công ty TNHH Một thành viên H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc theo phương án trả nợ như sau: kể từ năm 2023, mỗi quý Công ty TNHH Một thành viên H trả ít nhất 300.000.000 đồng, trả chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý; chậm nhất ngày 31/12/2025, Công ty TNHH Một thành viên H phải trả hết toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết ở trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Công ty H thanh toán ngay toàn bộ số nợ chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ cho Ngân hàng:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AC 974985, số vào sổ cấp GCN H.00023 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 13/12/2006 cho hộ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/8014087/HĐBĐ ngày 20/03/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/8014087/HĐBĐ ngày 20/04/2018 giữa Ngân hàng với ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 894731, số vào sổ cấp GCN CH01079 do UBND thị xã Ba Đồn cấp ngày 06/10/2017 cho ông Mai Xuân Th và bà Hoàng Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 07/2017/8014087/HĐBĐ ngày 19/10/2017.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số G 626311, số vào sổ cấp GCN 00163QSDĐ/593QĐ/UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 14/7/1995 cho ông Hoàng Văn C theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 02/2017/8014087/HĐBĐ ngày 22/9/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8014087/HĐTC ngày 22/9/2017 giữa Ngân hàng với ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị Th.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 397530, số vào sổ cấp GCN CH02175 do UBND thị xã Ba Đồn cấp ngày 28/10/2014 cho ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 04/2017/8014087/HĐBĐ ngày 22/9/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/8014087/HĐTC ngày 22/9/2017 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 975253, số vào sổ cấp GCN CH01966 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th theo Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 05/2017/8014087/HĐBĐ ngày 22/9/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2017/8014087/HĐTC ngày 22/9/2017 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th.

2.4. Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên H chịu án phí Kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 56.695.750 đồng (*Năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước. Công ty TNHH Một thành viên H chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.757.454 đồng (*năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi bốn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003419 ngày 29/7/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức